

AN SINH XÃ HỘI CHO LAO ĐỘNG DI CƯ

Duy Hưng

Lao động di cư từ nông thôn ra thành thị, thành thị đến thành thị, thành thị về nông thôn và các khu công nghiệp là một xu hướng tất yếu, có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, lực lượng lao động di cư dù đã có những đóng góp không nhỏ đối với kinh tế - xã hội nhưng đây vẫn là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất và khó tiếp cận với các chính sách về an sinh xã hội, cần được sự quan tâm, hỗ trợ từ các cấp, ngành liên quan.

Thực trạng lao động di cư tại Việt Nam

Tại Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, quá trình di dân thường gắn liền với quá trình dựng nước và giữ nước, trong đó lao động di cư là lực lượng chính của các cuộc di dân, có thể kéo theo cả gia đình của họ. Điểm chung của các cuộc di dân đều là động lực tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phân bổ lại dân cư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế lao động, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo và đảm bảo phát triển bền vững với lực lượng lao động di cư giữ vai trò quan trọng. Từ thời kỳ nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời cho đến trước khi bước vào thời kỳ đổi mới, cuộc di dân lớn nhất trong phạm vi quốc gia và có tổ chức, chỉ đạo từ Chính phủ Việt Nam chính là các cuộc di dân xây dựng vùng kinh tế mới. Trong thập kỷ 1989-1999, xu hướng gia tăng di cư chủ yếu do chính sách khuyến khích di dân đến những vùng kinh tế mới, sự chuyển đổi từ kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường cùng với sự phát triển của giao thông vận tải. Bước sang thập kỷ 1999-2009, di cư trở nên ngày càng phổ biến trong bối cảnh nền kinh tế phát triển mạnh mẽ kèm theo sự chuyển dịch cơ cấu từ nông nghiệp sang công nghiệp và



dịch vụ cũng như sự bùng nổ của các khu công nghiệp, chế xuất.

Trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, lao động di cư là một xu thế tất yếu. Những khó khăn hoặc cơ hội kinh tế, sinh kế được coi là động lực trực tiếp dẫn đến tình trạng di cư của lực lượng lao động. Lao động di cư tại Việt Nam chịu sự tác động của 2 yếu tố là nhân tố đẩy và nhân tố kéo. Trong đó, nhân tố đẩy là những yếu tố về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, chính trị, văn hóa ở nơi đi như: Điều kiện sống khó khăn, thiếu việc làm, thiếu đất đai...; còn nhân tố kéo là những điều kiện thuận lợi về tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa... và sự hấp dẫn từ cơ hội việc làm,

thu nhập và mức sống cao hơn, đặc biệt là đảm bảo an sinh xã hội tại nơi đến.

Do đó, từ năm 2009-2019, việc thực hiện thành công các chương trình mục tiêu, dự án kinh tế - xã hội tại các địa phương mà điển hình là chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới đã thu hẹp khoảng cách kinh tế giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền; qua đó làm giảm số lượng người di cư cũng như lao động di cư trong giai đoạn này và gia tăng xu hướng lao động di cư trong phạm vi quen thuộc (di cư trong địa bàn huyện). Thống kê từ cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (Tổng điều tra) của Tổng cục Thống kê cho thấy, mặc dù dân số Việt Nam

liên tục tăng nhưng lượng người di cư đang có dấu hiệu giảm rõ rệt về số lượng và tỷ lệ. Trong số 88,4 triệu dân từ 5 tuổi trở lên, số người di cư là 6,4 triệu người, chiếm 7,3%. Đặc biệt là độ tuổi phổ biến của người di cư là từ 20-39 tuổi, chiếm 61,8% tổng số người di cư, gần gấp đôi tỷ lệ di cư của người không di cư cùng nhóm tuổi (33,2%). Đây cũng chính là nhóm tuổi trẻ, nhóm tuổi tham gia chính vào lực lượng lao động, có xu hướng đi xa, chấp nhận thử thách để thay đổi môi trường sống cũng như tìm kiếm các cơ hội việc làm với mong muốn nâng cao chất lượng sống. Đến nay, yếu tố di cư đã góp phần làm dân số khu vực thành thị tăng thêm 1,2 triệu người, chiếm 3,5% dân số thành thị.

Theo kết quả nghiên cứu chuyên sâu Tổng điều tra, trong tổng số lao động di cư đang làm việc trong nền kinh tế tính đến thời điểm tổng điều tra, có tới 91,4% lao động di cư làm ở khu vực dịch vụ, công nghiệp và xây dựng. Đặc biệt, tỷ trọng lao động di cư làm trong khu vực công nghiệp và xây dựng cao gần gấp đôi tỷ trọng người không di cư làm trong cùng khu vực (44,9% so với 27,7%). Đồng Nam Bộ và đồng bằng sông Hồng vẫn là 2 khu vực thu hút phần lớn lao động di cư với mạng lưới dày đặc các khu công nghiệp, các vùng kinh tế trọng điểm, đem lại nhiều cơ hội mới hấp dẫn.

Tại Việt Nam, lao động di cư phần lớn làm các công việc chân tay hoặc không đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật. Có tới 78,8% lao động di cư từ 15 tuổi trở lên không có trình độ chuyên môn kỹ thuật trong khi trình độ sơ cấp chiếm 4,3%, trung cấp chiếm 3,9%, cao đẳng chỉ chiếm 3,3% và đại học chiếm 9,2%. Mặc khác, tỷ lệ

thất nghiệp của lao động di cư của Việt Nam lại cao hơn người không di cư, tương ứng 2,53% so với 2,01%. Trong đó, lao động nữ di cư có tỷ lệ thất nghiệp cao hơn lao động nam di cư, lần lượt là 2,82% và 2,20%. Trong tổng số lao động di cư đang thất nghiệp, hơn hai phần ba (69,7%) là những người di cư tới thành thị và chỉ có một phần ba là lao động di cư tới nông thôn. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng sống của lao động di cư, đặc biệt là vấn đề an sinh xã hội còn nhiều lỗ hổng.

Các vấn đề về an sinh xã hội cho lao động di cư

Mặc dù có vai trò quan trọng trong lực lượng lao động của cả nước cũng như phát triển kinh tế - xã hội đất nước, nhưng lao động di cư vẫn là nhóm dễ bị tổn thương nhất và khó tiếp cận được với các chính sách về an sinh xã hội trong đó có chính sách về việc làm. Các nghiên cứu về di cư ở Việt Nam của Ngân hàng Thế giới (Worldbank), Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) cũng chỉ ra rằng, lao động di cư, đặc biệt là lao động nữ là một trong những lực lượng lao động chịu nhiều thiệt thòi do mô hình kinh tế tăng trưởng nhanh hiện nay. Lao động di cư có thể xoay sở cải thiện được thu nhập trong môi trường sống mới, nhất là ở khu vực thành thị nhưng điều kiện sống và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội của họ còn rất kém so với người dân gốc tại địa phương đó. Dù tham gia vào cả lực lượng lao động chính thức và phi chính thức, nhiều lao động di cư vẫn không được hưởng những quyền lợi từ các chính sách an sinh xã hội như: Lao động, việc làm, giảm nghèo, bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo trợ xã hội, các dịch vụ xã hội cơ bản như: Y tế, giáo dục, nhà ở,

nước sạch, tiếp cận thông tin... Đa số người lao động di cư không biết nơi cung cấp thông tin và tư vấn về Lao động và BHXH cho mình

Vấn đề lớn nhất đối với lao động di cư đó là việc làm do nhiều lao động phải đối mặt với tình trạng việc làm bấp bênh, không ổn định, tiền công lao động thấp hơn. Nhiều doanh nghiệp thường theo đuổi mục tiêu lợi nhuận, chi phí thấp thông qua việc không đảm bảo điều kiện làm việc, thời gian làm việc dài hạn và hạn chế người lao động tiếp cận các phúc lợi xã hội. Bên cạnh đó, do có tới 78,8% người di cư không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, thu nhập của lao động di cư không ổn định và bấp bênh do phần lớn công việc họ có thể tham gia là những công việc chân tay, mang tính thời vụ, môi trường làm việc độc hại, nguy hiểm... chỉ được ký hợp đồng lao động ngắn hạn hoặc thậm chí không có hợp đồng, không tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT). Trong khi đó, chính sách BHXH tự nguyện hiện nay chưa thực sự hấp dẫn lao động di cư, nhất là đối với lao động di cư là nữ giới; còn độ bao phủ BHYT khu vực phi chính thức mà phần lớn là lao động di cư lại phụ thuộc vào tình trạng lao động có hay không có hợp đồng lao động. Khó khăn nữa là lao động di cư muốn mua BHYT cần sổ đăng ký tạm trú và văn bản đồng ý của chủ nhà, họ chỉ có thể mua BHYT tự nguyện khi chủ nhà cũng mua; các chế độ trợ giúp xã hội thường xuyên hay đột xuất chưa có chính sách riêng dành cho người tạm trú ngắn hạn như lao động di cư. Vì vậy, lao động di cư bị hạn chế rất nhiều các phúc lợi về y tế khám chữa bệnh, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ thai sản...

Cùng với các vấn đề về việc làm, BHXH, BHYT, nhà ở cũng nằm

trong số các vấn đề lớn đối với lao động di cư. Lao động di cư thường sống trong những khu nhà thuê chật chội với điều kiện sinh hoạt kém hơn và phải trả mức phí cao hơn cho các tiện ích sinh hoạt như điện, nước. Tại các khu công nghiệp thu hút đông lao động phổ thông như: Bắc Ninh, Đồng Nai, Cần Thơ, Bình Dương..., tỷ lệ người di cư phải thuê/mượn nhà thường cao hơn hẳn; trong đó, Bình Dương là tỉnh có tỷ lệ người di cư phải thuê/mượn nhà của tư nhân cao nhất cả nước với tỷ lệ 74,5%. Đối với những lao động di cư, đặc biệt là lao động di cư từ nông thôn lên thành thị, tiền thuê nhà và các chi phí sinh hoạt ngày càng tăng do sự phát triển của xã hội tỷ lệ nghịch với mức sống giảm sút nghiêm trọng của họ. Kéo theo vấn đề nhà ở là những khó khăn liên quan đến tình trạng đăng ký hộ khẩu, tạm trú khiến cho lao động di cư thường phải chấp nhận trả khoản phí cao hơn khi buộc phải cho con học ở trường tư thay vì các trường công lập.

An sinh xã hội là biểu hiện rõ rệt của quyền con người đã được Liên hợp quốc thừa nhận, thể hiện chủ nghĩa nhân đạo cao đẹp, truyền thống đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, tương thân tương ái của cộng đồng. Mục đích của an sinh xã hội là tạo sự "an sinh" cho mọi thành viên trong xã hội, hướng tới sự hưng thịnh và hạnh phúc cho mọi người. Là lực lượng có đóng góp lớn vào phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, an sinh xã hội dành cho lao động di cư là điều rất cần thiết đối với sự phát triển toàn diện của đất nước. Điều này đã được Hiến pháp của nước Việt Nam quy định cụ thể với các quyền dành cho công dân Việt Nam, bao gồm quyền tự do di chuyển và cư trú, quyền

tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, quyền được đi học và có kiến thức, quyền được đi làm, quyền được sở hữu nhà ở, tài sản hợp pháp và quyền được tiếp cận với các dịch vụ kinh tế - xã hội một cách công bằng. Đặc biệt, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nêu rõ: "Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đồng bộ, liên thông thị trường lao động cả về quy mô, chất lượng lao động và cơ cấu ngành nghề. Có cơ chế, chính sách để định hướng dịch chuyển lao động, phân bố hợp lý lao động theo vùng; lao động di cư và gia đình được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội". Trong quá trình phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn chú ý tới mục tiêu tạo sự bình đẳng cho các đối tượng lao động, trong đó có lao động di cư - là nhóm dễ bị tổn thương và gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các chính sách an sinh xã hội.

Xác định rõ vai trò, vị trí của lao động di cư đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước, Chính phủ đã xác định việc xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng, toàn diện, có chú trọng sự bao phủ tới đối tượng lao động di cư được tập trung vào 4 nội dung chính, đó là: (1) Tăng cường cơ hội có việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho lao động di cư thông qua các hoạt động hỗ trợ tín dụng, kết nối thông tin với thị trường lao động và chuyển đổi nghề nghiệp; (2) Mở rộng cơ hội cho lao động di cư tham gia hệ thống chính sách bảo hiểm (bảo hiểm y tế, xã hội, thất nghiệp) để chủ động đối phó khi thu nhập bị suy giảm hoặc bị mất hẳn việc làm do các rủi ro (thiên tai, dịch bệnh, ốm đau, tai nạn lao động...);

(3) Hỗ trợ thường xuyên đối với lao động di cư có hoàn cảnh đặc thù và hỗ trợ đột xuất khi họ gặp các rủi ro không lường trước hoặc vượt quá khả năng kiểm soát (dịch bệnh, thiên tai, bệnh hiểm nghèo,...) thông qua các khoản tiền mặt và hiện vật do ngân sách nhà nước bảo đảm; (4) Tăng tiếp cận của lao động di cư với hệ thống dịch vụ xã hội cơ bản, như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường, thông tin...

Bên cạnh đó, nhiều chính sách liên quan tới việc làm đã được ban hành nhằm hỗ trợ, tạo thuận lợi về việc làm cho lao động nói chung và lao động di cư nói riêng, như: Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chính sách hỗ trợ tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng khác; chính sách hỗ trợ phát triển tổ chức dịch vụ việc làm (thông qua trung tâm dịch vụ việc làm và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm); các chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện; các chính sách về an toàn, vệ sinh lao động... Nỗ lực triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án lớn trên phạm vi cả nước, như Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020...

Ngoài ra, trong bối cảnh tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường thế giới, với các hiệp định thương mại tự do đã ký, Việt Nam cũng đã có những cam kết với cộng đồng quốc tế trong việc bảo vệ lao động di cư trong nước. Tất cả những nỗ lực trên đều nhằm góp phần đảm bảo cơ hội được hưởng các quyền lợi một cách bình đẳng, đặc biệt là đảm bảo an sinh xã hội cho lao động di cư tại Việt Nam./